

Số /2025/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày .....tháng .....năm 2025

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm  
2024;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm  
2020; Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư  
theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm  
2024;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi một số điều  
của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh  
doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và các Luật Tổ chức Tin dụng số  
32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ  
quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Luật  
Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030,  
tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ  
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số ...  
.../TTTr- SGTVT ngày ... .. /... .. /2025,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh Ban hành Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, P. KTN,
- Trung tâm Tin học - Công báo,  
Website tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Trần Tuệ Hiền**

**DỰ THẢO**

**QUY ĐỊNH**

**Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ... .. /2025/QĐ-UBND ngày ... .. /... /2025  
của UBND tỉnh Bình Phước)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm: bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các sở, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (viết tắt là UBND cấp huyện), ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (viết tắt là UBND cấp xã).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Đường bộ* bao gồm: đường, cầu đường bộ, cống đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ, đường cứu nạn và các công trình phụ trợ gắn liền với đường bộ.

2. *Công trình đường bộ* bao gồm: đường bộ; công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; công trình thuộc hệ thống quản lý giao thông thông minh; nhà hạt quản lý đường bộ; kho chứa trang thiết bị, vật tư dự phòng trong lĩnh vực đường bộ; công trình kiểm soát tải trọng xe; trạm thu phí và các công trình khác của đường bộ.

3. *Kết cấu hạ tầng đường bộ* bao gồm: công trình đường bộ; bến xe; bãi đỗ xe; trạm dừng nghỉ; điểm dừng xe, đỗ xe; đất của đường bộ; hành lang an toàn đường bộ và các công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động đường bộ.

4. *Đất của đường bộ* gồm phần đất để xây dựng công trình đường bộ và phần đất dọc hai bên đường bộ để bảo vệ, bảo trì đường bộ;

5. *Hành lang an toàn đường bộ* là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ, tính từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ ra hai bên để bảo đảm an toàn

giao thông đường bộ, đảm bảo tầm nhìn xe chạy và hạn chế ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

6. *Hành lang bảo vệ đường bộ (gọi tắt HLBVĐB)* là phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ được quy đổi tính từ tim đường trở ra hai bên.

7. *Phạm vi đất dành cho đường bộ* gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

8. *Phần đường xe chạy* là phần của đường bộ được sử dụng cho phương tiện giao thông đường bộ đi lại.

9. *Làn đường* là một phần của phần đường xe chạy được chia theo chiều dọc của đường, có đủ chiều rộng cho xe chạy an toàn.

10. *Khổ giới hạn của đường bộ* là khoảng trống có kích thước giới hạn về chiều cao, chiều rộng của đường, cầu, bển phà, hầm đường bộ để các xe kể cả hàng hóa xếp trên xe đi qua được an toàn.

11. *Đường phố* là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

12. *Dải phân cách* là bộ phận của đường để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt hoặc để phân chia phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ. Dải phân cách gồm loại cố định và loại di động.

13. *Nơi đường giao nhau cùng mức* (sau đây gọi là nơi đường giao nhau) là nơi hai hay nhiều đường bộ gặp nhau trên cùng một mặt phẳng, gồm cả mặt bằng hình thành vị trí giao nhau đó.

14. *Đường cao tốc (CT)* là đường dành cho xe cơ giới, có dải phân cách chia đường cho xe chạy hai chiều riêng biệt; không giao nhau cùng mức với một hoặc các đường khác; được bố trí đầy đủ trang thiết bị phục vụ, bảo đảm giao thông liên tục, an toàn, rút ngắn thời gian hành trình và chỉ cho xe ra, vào ở những điểm nhất định.

15. *Đường ưu tiên* là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ được các phương tiện tham gia giao thông đường bộ đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cấm biển báo hiệu đường ưu tiên.

16. *Quốc lộ (QL)* là đường nối liền Thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền các trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng, khu vực.

17. *Đường tỉnh (ĐT)* là đường nằm trong địa bàn một tỉnh nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

18. *Đường huyện (ĐH)* là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

19. *Đường xã (ĐX)* là đường nối trung tâm hành chính của xã với thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) và điểm dân cư nông thôn

hoặc đường nối với xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

20. *Đường thôn* là đường trong khu vực thôn, đường trục nối thôn với khu vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trên địa bàn thôn.

21. *Đường đô thị* là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: đường cao tốc đô thị, đường phố, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị.

22. *Đường chuyên dùng* là đường chuyên phục vụ giao thông cho một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân và đường nội bộ.

23. *Đường chính* là đường phục vụ giao thông chủ yếu trong khu vực, kết nối giao thông các khu vực, vùng.

24. *Đường nhánh* là đường nối vào đường chính, có chức năng kết nối giao thông các khu vực hai bên đường chính; kết nối giao thông từ đường gom vào đường chính thông qua nút giao.

25. *Đường gom* là đường để gom hệ thống đường giao thông nội bộ của các khu đô thị, công nghiệp, kinh tế, dân cư, thương mại - dịch vụ và các đường khác vào đường chính hoặc vào đường nhánh trước khi đầu nối vào đường chính.

26. *Đường bên* là đường được xây dựng bên cạnh các đoạn đường chính để ngăn cách giao thông khu vực hai bên đường với đường chính. Đường bên được tách khỏi đường chính hoặc ngăn cách với đường chính bằng dải phân cách, tường bảo vệ, rào chắn.

27. *Đường dành cho giao thông công cộng* là đường phục vụ cho tất cả mọi người, phương tiện giao thông đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

28. *Đường nội bộ* là đường trong phạm vi khu chung cư, đô thị, công nghiệp, kinh tế, thương mại - dịch vụ, các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác và chỉ phục vụ các đối tượng được phép vào, ra bên trong phạm vi của khu vực.

29. Đường dành riêng cho người đi bộ, người đi xe đạp và các đường khác.

30. *Lề đường* là phạm vi bảo vệ để mặt đường không bị sạt lở, xói mòn, đảm bảo an toàn cho lưu thông, có kết cấu bằng đất chọn lọc, sỏi đỏ, đá, nhựa, bê tông xi măng hoặc trồng cỏ.

31. *Mái taluy* là độ nghiêng (đốc) mái đường quy định cho mái đường đào (nếu cao độ mặt đường thấp hơn cao độ tự nhiên bên ngoài đường) và cho mái đường đắp (nếu cao độ mặt đường cao hơn cao độ thiên nhiên bên ngoài đường) gọi là mái taluy đường đắp (phần ké bên nền đường) hoặc mái taluy đường đào (phần ngoài của mương dọc).

32. *Mép đường* là điểm giao giữa lề đường và mái taluy đường (đối với nền đường đắp; là điểm giao nhau giữa lề đường và mương thoát nước dọc (đối với nền đường đào).

33. *Tim đường* là trục chuẩn của đường theo phương dọc đường, chia đường làm hai phần.

34. *Thân đường* là khoảng cách giữa hai chân ta luy trong của đường.

35. Hệ thống báo hiệu đường bộ bao gồm cọc tiêu, biển báo, trụ cây số, đèn tín hiệu giao lộ, vạch sơn đường.

36. *Vĩa hè* là phần đường dành riêng cho người đi bộ đối với đường trong đô thị.

37. *Chi giới đường đỏ* là đường ranh giới phân định giữa phần lô đất để xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường bộ hoặc các công trình kỹ thuật.

38. *Chi giới xây dựng* là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình trên lô đất.

39. *Cơ quan quản lý đường bộ* là cơ quan thuộc Bộ Giao thông vận tải giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

40. *Người quản lý, sử dụng đường bộ* là chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 4. Đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

a) Đất của đường bộ gồm phần đất để xây dựng công trình đường bộ và phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ;

b) Đất để xây dựng bến xe; bãi đỗ xe; điểm dừng xe, đỗ xe; trạm dừng nghỉ; các công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động đường bộ;

c) Hành lang an toàn đường bộ.

2. Việc quản lý, sử dụng đất dành cho đường bộ phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch, pháp luật về quy hoạch đô thị, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp do vị trí tự nhiên mà việc thoát nước từ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ buộc phải qua bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có hệ thống thoát nước đi qua phải dành một lối thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn hệ thống thoát nước.

Người quản lý, sử dụng đường bộ phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản khi xây dựng, lắp đặt hệ thống thoát nước; nếu gây

thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Chi tiết xác định phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo khoản 1 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

#### **Điều 5. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ**

Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, để chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo nguyên tắc sau đây:

1. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ ngoài đô thị, ngoài khu quy hoạch xây dựng được duyệt được xác định như sau:

a) Chiều rộng phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ ngoài đô thị, ngoài khu quy hoạch xây dựng được duyệt, được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng, tính từ chân ta luy nền đường đắp, mép ngoài cùng của rãnh đỉnh trở ra; ở nơi không xây dựng rãnh đỉnh thì được tính từ mép trên cùng đỉnh mái ta luy dương nền đường đào trở ra; tại các đoạn đường không đào, không đắp thì tính từ mép ngoài cùng của rãnh dọc trở ra như sau:

- Đường cao tốc, đường cấp I, đường cấp II là 3 mét;
- Đường cấp III là 2 mét;
- Đường cấp IV, cấp V, cấp VI, đường cấp A, B, C, D, đường khác là 1 mét.

b) Đối với cầu vượt sông, suối, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu được xác định theo cấp kỹ thuật của cầu theo quy định của pháp luật về xây dựng, tính từ mép ngoài của móng các hạng mục công trình mố, trụ, mép ngoài của kết cấu cầu ra mỗi bên như sau:

- Cầu cấp đặc biệt, cấp I, cấp II là 5 mét;
- Cầu cấp III là 4 mét;
- Cầu cấp IV là 3 mét.

c) Đối với cầu cạn, cầu vượt trên cao, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu được xác định theo cấp kỹ thuật của cầu theo quy định của pháp luật về xây dựng, tính từ mép ngoài của móng các hạng mục công trình mố, trụ, mép ngoài của kết cấu cầu ra mỗi bên như sau:

- Cầu cấp đặc biệt, cấp I, cấp II là 3 mét;
- Cầu cấp III là 2 mét;
- Cầu cấp IV là 1 mét.

d) Đối với công ngang đường, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì công được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ, tính từ mép ngoài của các hạng mục công trình đầu công, sân công, bộ phận kết cấu ngoài cùng của công trở ra như sau:

- Đường cao tốc, đường cấp I, đường cấp II là 3 mét;
- Đường cấp III là 2 mét;
- Đường từ cấp IV trở xuống là 1 mét.

đ) Trường hợp không thuộc quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ nằm dọc phía ngoài lề đường và cách lề đường tối thiểu 1,0 mét.

2. Phần đất bảo vệ, bảo trì đối với đường đô thị, đường trong khu quy hoạch xây dựng được duyệt, được xác định theo nguyên tắc như sau:

a) Đường đô thị đã có hệ phố thì sử dụng một phần hệ phố để thực hiện bảo vệ, bảo trì đường đô thị;

b) Trường hợp đường đô thị đi sát với tường bao nhà ở, tường bao công trình xây dựng khác, đường không có hệ phố, đường nằm trong ngõ, ngách, kiệt, hẻm, đường nội bộ khu dân cư đô thị thì được sử dụng một phần mặt đường khi thực hiện bảo vệ, bảo trì đường đô thị;

c) Trường hợp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này thì được xác định tương tự đường ngoài đô thị;

d) Phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu, cống, rãnh, hố thu và các hạng mục công trình của đường đô thị được xác định theo quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 3 Điều này. Trường hợp cầu, cống, rãnh, hố thu và các hạng mục công trình của đường đô thị nằm liền kề với công trình xây dựng khác thì phần đất để bảo vệ, bảo trì là ranh giới của các công trình.

3. Đối với các đoạn đường chồng lán, giao nhau, đường liền kề nhau thì phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định như sau:

a) Tại các đoạn đường chồng lán, giao nhau, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo đường có cấp kỹ thuật cao hơn; đối với các đường liền kề nhau, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định từ mép của đường ngoài cùng trở ra.

b) Trường hợp phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lán với phạm vi đất dành cho đường sắt thì việc sử dụng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ không được ảnh hưởng đến an toàn giao thông và an toàn công trình đường sắt.

c) Trường hợp phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lán với hành lang bảo vệ đê, việc sử dụng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ không được ảnh hưởng đến vận hành và an toàn công trình đê điều. Trường hợp phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lán với phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, việc sử dụng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ không được ảnh hưởng đến vận hành và an toàn công trình thủy lợi; nếu bị ảnh hưởng thì người quản lý, sử dụng đường bộ, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình thủy lợi phải có biện pháp khắc phục, bảo đảm an toàn công trình đường bộ, công trình thủy lợi và an toàn giao thông.

4. Phần đất để bảo vệ, bảo trì hầm đường bộ được xác định như sau:

a) Phần đất để bảo vệ, bảo trì phía ngoài cửa hầm đường bộ là giới hạn của ta luy tại cửa hầm, nhưng không nhỏ hơn 3,0 mét tính từ mép ngoài cùng trở ra của các hạng mục kết cấu công trình thuộc hầm đường bộ.

b) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì hầm đường bộ theo phương nằm ngang bằng chiều rộng gia cố hầm theo phương ngang cộng với 3,0 mét đối với



hầm cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; 2,0 mét đối với hầm cấp III; 1,0 mét đối với hầm cấp IV nhưng không nhỏ hơn chiều rộng xác định theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường dẫn vào hầm, quảng trường và các hạng mục công trình phụ trợ phía trước cửa hầm được tính từ mép ngoài của các công trình này trở ra và xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với đoạn đường tại nơi xây dựng hầm đường bộ;

d) Phần đất để bảo vệ, bảo trì cửa hầm thông gió và các hạng mục công trình hầm khác tính từ mép ngoài cùng hạng mục công trình trở ra xung quanh theo thiết kế nhưng không nhỏ hơn 3,0 mét.

5. Phần đất để bảo vệ, bảo trì công trình kè, tường chắn được xác định như sau: Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì công trình kè, tường chắn không nhỏ hơn 2,0 mét tính từ mép ngoài của móng hoặc bộ phận ngoài cùng của kè, tường chắn trở ra.

6. Trường hợp đường bộ có phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lấn với công trình đường thủy nội địa, ranh giới đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo ranh giới đất giữa công trình đường bộ và công trình đường thủy nội địa.

7. Chi tiết xác định phạm vi phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ thực hiện theo khoản 1 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

#### **Điều 6. Hành lang an toàn đường bộ**

1. Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ được xác định như sau:

a) Đối với đường ngoài đô thị, ngoài khu quy hoạch xây dựng được duyệt, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ được xác định theo quy mô, cấp kỹ thuật của đường theo quy định của pháp luật về xây dựng, tính từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ trở ra mỗi bên như sau:

- Đường cao tốc, cấp I, cấp II là 17 mét;
- Đường cấp III là 13 mét;
- Đường cấp IV, cấp V là 9 mét;
- Đường cấp VI và đường cấp A, B, C, D, đường khác là 4 mét.

b) Trường hợp đường hiện hữu chưa xác định cấp kỹ thuật thì căn cứ chiều rộng mặt đường và tiêu chuẩn thiết kế đường bộ để xác định cấp kỹ thuật tương ứng làm căn cứ xác định chiều rộng hành lang an toàn đường bộ;

c) Đối với đường đô thị, xác định từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường đô thị đến chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không lớn hơn chiều rộng hành lang của đường ngoài đô thị cùng cấp;

2. Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ trong phạm vi cầu (khoảng giữa đuôi hai móng cầu) và phần đường đầu cầu theo thiết kế được xác định như sau:

a) Đối với cầu đường bộ ngoài đô thị, chiều rộng hành lang an toàn cầu đường bộ tính từ mép ngoài cùng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu trở ra mỗi bên

như sau: 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét; 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét; 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét; 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

Đối với phần cầu cạn không vượt sông thuộc phần đường dẫn lên cầu chính vượt sông lớn hơn 300 mét thì chiều rộng hành lang an toàn cầu tính từ phần đất để bảo vệ, bảo trì trở ra không nhỏ hơn 50 mét;

Đối với cầu cạn (bao gồm cầu vượt đường sắt, cầu vượt đường bộ, cầu xây dựng trên cao song hành với đường khác, các cầu trên cạn khác và phần cầu trên đường dẫn nằm ngoài khoảng cách hai bờ đê của cầu vượt sông) trên đường ngoài đô thị: chiều rộng hành lang an toàn đường bộ của cầu xác định theo cấp đường quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với cầu trên đường trong đô thị, trong khu quy hoạch xây dựng được duyệt, hành lang an toàn theo chiều ngang cầu đối với phần cầu chạy trên cạn, kể cả phần cầu chạy trên phần đất không ngập nước thường xuyên và các cầu bắc qua sông, kênh, rạch không có hoạt động vận tải đường thủy được tính từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu ra mỗi bên 7,0 mét; phần đường đầu cầu xác định như hành lang an toàn đường đô thị; đối với phần cầu còn lại xác định theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Trường hợp không xác định được phạm vi đường đầu cầu theo thiết kế thì phần đường đầu cầu được tính từ đui mố trở ra theo chiều dọc cầu không nhỏ hơn: 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét trở lên, 30 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 60 mét.

3. Chiều rộng hành lang an toàn hầm đường bộ được xác định như sau:

a) Đối với hầm đường bộ ngoài đô thị là vùng đất, vùng nước xung quanh cửa hầm được tính từ mép ngoài phần đất bảo vệ, bảo trì hầm trở ra là 100 mét.

b) Đối với hầm đường bộ trong đô thị do tư vấn thiết kế xác định trên cơ sở đảm bảo an toàn bền vững hầm trong hồ sơ thiết kế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chiều rộng hành lang an toàn kè, tường chắn bảo vệ được xác định từ mép ngoài của kè, tường chắn bảo vệ trở ra như sau:

a) Đối với kè, tường chắn chống xói để bảo vệ nền đường, hành lang an toàn kè tính từ đầu kè, tường chắn và từ cuối kè, tường chắn về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét; từ chân kè, tường chắn trở ra sông 20 mét.

b) Đối với kè, tường chắn chỉnh trị dòng nước, hành lang an toàn kè tính từ chân kè, tường chắn về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100 mét; từ mép của kè, tường chắn trở vào bờ 50 mét; từ chân đầu kè, tường chắn trở ra sông 20 mét.

c) Đối với kè, tường chắn bảo vệ không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này, hành lang an toàn kè, tường chắn được xác định theo hành lang an toàn đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Chiều rộng hành lang an toàn đối với cống ngang đường được xác định như sau:

a) Theo chiều dọc cống:

- Về phía thượng lưu tương ứng với hành lang an toàn đường bộ nơi đặt cống được quy định tại khoản 1 Điều này;

- Về phía hạ lưu từ tim đường đến vị trí tiêu thoát nước ra sông, suối, vùng trũng.

b) Theo chiều ngang cống tính từ tim dòng chảy ra mỗi bên:

- 1,5 mét đối với cống có diện tích mặt cắt thoát nước nhỏ hơn 1 mét vuông;

- 2,0 mét đối với cống có diện tích mặt cắt thoát nước nhỏ hơn 1,5 mét vuông;

- 2,5 mét đối với cống có diện tích mặt cắt thoát nước lớn hơn 1,5 mét vuông.

Các địa phương trong quá trình cấp chứng nhận quyền sử dụng đất phải trừ phần diện tích đất dọc theo hướng dòng chảy phía hạ lưu cống ngang đường hiện hữu. Đối với các công trình giao thông được nâng cấp, mở rộng có bổ sung vị trí cống mới, chủ đầu tư căn cứ khẩu độ cống vị trí tiêu thoát nước để thực hiện giải phóng mặt bằng theo quy định.

6. Đối với đường thôn, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị và đường khác không cho xe ô tô di chuyển thì không bắt buộc bố trí hành lang an toàn đường bộ.

7. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với các công trình khác được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường sắt, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an toàn cho đường sắt. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường sắt không được làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình đường bộ và an toàn giao thông;

b) Đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa, việc quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ đường thủy nội địa không được ảnh hưởng đến chất lượng công trình và an toàn giao thông;

c) Đường bộ đi chung với đê hoặc có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đê, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang bảo vệ đê; trường hợp hành lang an toàn đường bộ lớn hơn hành lang bảo vệ đê thì tính theo hành lang an toàn đường bộ;

d) Tại các đoạn đường chồng lấn, giao nhau, hành lang an toàn đường bộ được xác định theo đường có cấp kỹ thuật cao hơn; các đường liền kề nhau thì xác định hành lang an toàn đường bộ theo đường ngoài cùng.

8. Việc xác định và quản lý mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ theo quy định như sau:

a) Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và thực hiện như sau:

- Đối với đất của đường bộ, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Đối với đất hành lang an toàn đường bộ: Chủ đầu tư tiến hành cắm mốc lộ giới để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy định như đối với hành lang đường bộ đang khai thác.

Trường hợp công trình và các tài sản khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì chủ đầu tư tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Đối với đường bộ đang khai thác, cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương xác định giới hạn đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và lập kế hoạch thực hiện các công việc sau đây:

- Rà soát, xác định giới hạn phần đất của đường bộ, phần đất hành lang an toàn đường bộ; tiến hành cắm mốc lộ giới để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy hoạch;

- Rà soát hiện trạng tình trạng sử dụng đất, các công trình, cây cối trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ để quản lý theo quy định.

c) Cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm thông báo vị trí mốc lộ giới, ranh giới hành lang an toàn đường bộ (trong trường hợp chưa cắm mốc lộ giới) cho tổ chức, cá nhân liên quan biết để thực hiện; điều chỉnh, bổ sung mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ khi có thay đổi trong thời gian quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

9. Đối với các công trình đường bộ đã nâng cấp, cải tạo nhưng ở giai đoạn đầu chưa đúng với cấp đường quy hoạch thì hành lang bảo vệ vẫn phải xác định trên cơ sở cấp đường quy hoạch. Phạm vi giải phóng mặt bằng hai bên đường đã được chủ dự án thực hiện khi nâng cấp, cải tạo đường nhằm đảm bảo an toàn cho thi công, an toàn cho quản lý khai thác nếu nhỏ hơn chiều rộng hành lang bảo vệ của cấp đường quy hoạch thì không coi đó là chiều rộng hành lang bảo vệ của đường.

10. Chi tiết xác định hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo khoản 1 khoản 4 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

### **Điều 7. Phạm vi bảo vệ trên không và phía dưới của đường bộ**

1. Phạm vi bảo vệ trên không của phần đường theo phương thẳng đứng không thấp hơn chiều cao tĩnh không của đường. Đối với đoạn đường có dự phòng chiều cao tăng cường lớp mặt đường, chiều cao bù lún và các trường hợp cần dự phòng tôn cao mặt đường thì phải cộng chiều cao này với chiều cao tĩnh không.

2. Phạm vi bảo vệ trên không của cầu đường bộ được quy định như sau:

a) Đối với cầu đường bộ, khoảng cách tối thiểu tính từ điểm cao nhất của kết cấu trên các mặt cắt ngang cầu trở lên theo phương thẳng đứng là 2 mét nhưng không thấp hơn chiều cao tĩnh không quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với cầu đường bộ xây dựng vượt đường sắt, đường bộ khác phải bảo đảm tĩnh không của đường sắt, đường bộ bên dưới;

c) Cầu đường bộ xây dựng trên khu vực có hoạt động giao thông đường thủy nội địa phải bảo đảm khổ thông thuyền cho tàu, thuyền lưu thông an toàn theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa.

3. Phạm vi bảo vệ công trình hầm đường bộ được xác định từ các bộ phận kết cấu của hầm đường bộ ra xung quanh đủ để bảo đảm an toàn đối với công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, an toàn trong vận hành, khai thác, sử dụng và bảo đảm tuổi thọ công trình theo thiết kế; phạm vi bảo vệ bên ngoài của hầm đường bộ là khoảng không đủ để bảo đảm an toàn cho vận hành, khai thác và sử dụng hầm đường bộ và các thiết bị của hầm đường bộ.

4. Giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây thông tin, viễn thông đi phía trên đường bộ tối thiểu 5,5 mét tính từ điểm thấp nhất của đường dây thông tin, viễn thông đi qua đường bộ tới điểm cao nhất của mặt đường. Trường hợp đường dây đi phía trên cầu đường bộ phải đáp ứng đồng thời quy định tại khoản này và điểm a khoản 2 Điều này.

5. Giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ được quy định như sau:

a) Trường hợp đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ thì khoảng cách theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ tới điểm thấp nhất của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ không nhỏ hơn chiều cao tĩnh không của đường bộ cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo quy định của pháp luật về điện lực;

b) Trường hợp đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên cầu phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo quy định của pháp luật về điện lực, nhưng không thấp hơn quy định tại điểm a khoản này;

c) Đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên cột đèn chiếu sáng của đường bộ phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của cột đèn chiếu sáng tới điểm thấp nhất của đường dây tải điện, dây dẫn điện không nhỏ hơn 2 mét cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

6. Trường hợp đường dây thông tin, viễn thông, đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên cầu dây treo, ngoài việc thực hiện quy định tại các khoản 2, 4 và 5 Điều này còn phải bảo đảm an toàn cho hệ thống dây treo và trụ tháp của cầu.

7. Giới hạn khoảng cách an toàn trên không đối với trạm thu phí và các hạng mục công trình đường bộ khác được tính từ điểm cao nhất của công trình trở lên theo phương thẳng đứng là 02 mét; đối với đường dây tải điện, dây dẫn điện còn phải bảo đảm khoảng cách an toàn phóng điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

8. Khi tiến hành xây dựng, khai thác, bảo trì công trình ngầm bên dưới công trình đường bộ phải bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo đảm an toàn cho công trình đường bộ, công trình liền kề.

9. Chi tiết xác định hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo khoản 2 khoản 3 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

**Điều 8. Quy hoạch cấp đường đối với hệ thống đường cao tốc, quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 như sau.**

1. Các tuyến quy hoạch là đường cấp I, gồm:
  - Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Chơn Thành – Hoa Lư.
  - Cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước).
2. Các tuyến quy hoạch là đường cấp II, gồm:
  - Đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14 hiện hữu).
  - Quốc lộ 13.
3. Các tuyến quy hoạch là đường cấp III, gồm:
  - Quốc lộ 14C;
  - ĐT.741;
  - ĐT.741B (đường Đồng Phú – Bình Dương);
  - ĐT.751;
  - ĐT.752;
  - ĐT.752B;
  - ĐT.752C;
  - ĐT.753;
  - ĐT.753B (đường Phú Riềng - Bù Na - Nam Cát Tiên);
  - ĐT.754;
  - ĐT.755;
  - ĐT.755B (đường Sao Bọng - Đăng Hà);
  - ĐT.756;
  - ĐT.756B;
  - ĐT.756C;
  - ĐT.757;
  - ĐT.757B;
  - ĐT.758;
  - ĐT.759;
  - ĐT.759B (đường Lộc Tấn - Hoàng Diệu);
  - ĐT.760;
  - ĐT.760B;
  - ĐT. Chơn Thành – Hoa Lư (Đường liên kết vùng phía Tây QL.13);
  - ĐT. Long Tân – Tân Hưng;
  - ĐT. Tân Hiệp – Tân Khai – Nha Bích;
  - ĐT. Đakia – Bù Nho;

- Đ.T. Minh Lập – Bù Nho;

**Điều 12. Xác định phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ (hành lang bảo vệ đường bộ, gọi tắt là HLBVĐB)**

1. Căn cứ vào cấp đường quy hoạch tại Điều 11 và quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này để xác định phạm vi đất dành cho đường bộ.

2. Quy đổi phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ thành HLBVĐB:

Để thuận tiện cho việc quản lý phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý cấp phép xây dựng, thống nhất việc xác định phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ được quy đổi tính từ tim đường trở ra hai bên và được gọi là HLBVĐB (thay vì tính từ chân mái đường đắp hoặc đỉnh mái đường đào, hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hoặc rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên). HLBVĐB được xác định mỗi bên một khoảng cách bằng  $1/2$  bề rộng nền đường quy hoạch + chiều rộng mương dọc (hoặc taluy đắp) + chiều rộng phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ + chiều rộng hành lang an toàn đường bộ đối với tuyến đường đó.

3. HLBVĐB các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh: được xác định cụ thể tại bảng phụ lục kèm theo.

4. HLBVĐB các tuyến đường huyện:

a) Các tuyến đường có quy hoạch là đường cấp III thì HLBVĐB tối thiểu là 21 mét;

b) Các tuyến đường có quy hoạch là đường cấp IV, V thì HLBVĐB tối thiểu là 16 mét;

c) Các tuyến đường có quy hoạch có cấp thấp hơn cấp V thì HLBVĐB tối thiểu là 10 mét;

5. Các tuyến đường xã, đường thôn (đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm) và các tuyến đường tổ ấp còn lại không nằm trong quy hoạch được duyệt thì HLBVĐB tối thiểu bằng 1,5 lần bề rộng thân đường.

6. Các tuyến đường đô thị, đường (đoạn đường) trong khu quy hoạch xây dựng được duyệt thì áp dụng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 13. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống cao tốc, quốc lộ và đường tỉnh được giao quản lý.

2. Sở Xây dựng quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường đô thị được giao quản lý.

3. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tuần tra biên giới.

4. UBND cấp huyện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện và đường đô thị được giao quản lý; phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn huyện.

5. UBND cấp xã quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn xã.

6. Doanh nghiệp dự án PPP quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được đầu tư theo phương thức PPP theo Hợp đồng dự án PPP đã được ký kết.

7. Người quản lý, sử dụng đường bộ đối với đường chuyên dùng chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường chuyên dùng.

### **Chương III**

## **SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

### **Điều 14. Quản lý, sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ**

1. Đất hành lang an toàn đường bộ đã được Nhà nước thu hồi phải được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Bảo đảm an toàn công trình đường bộ và công trình khác trong hành lang an toàn đường bộ;

b) Không che lấp báo hiệu đường bộ, không ảnh hưởng đến tầm nhìn xe chạy, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

c) Bảo vệ cảnh quan, môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đất hành lang an toàn đường bộ chưa được Nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật Đất đai và đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Việc trồng, chăm sóc và khai thác cây trong hành lang an toàn đường bộ phải bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định sau đây:

a) Thực hiện các biện pháp cần thiết để tránh nguy cơ gãy, đổ cây gây mất an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ; gây hư hại công trình đường bộ và công trình liền kề;

b) Cắt xén khi cây che lấp báo hiệu đường bộ, che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ và ảnh hưởng tới an toàn giao thông đường bộ;

c) Không được ảnh hưởng tới chất lượng và hoạt động bảo trì đường bộ.

5. Sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ chồng lấn với phạm vi bảo vệ đê



điều, vùng phụ cận công trình thủy lợi, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang bảo vệ đường sắt phải tuân thủ quy định của Luật Đê điều, Luật Thủy lợi, Luật Đường sắt, Luật Đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Đường gom phải được xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ, trừ trường hợp đường gom đồng thời là đường bên. Trường hợp không thể bố trí được đường gom ngoài hành lang an toàn đường bộ thì có thể bố trí trong hành lang an toàn đường bộ, nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ còn lại đủ để mở rộng đường theo quy hoạch;

b) Bảo đảm an toàn công trình đường bộ;

c) Bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và tầm nhìn xe chạy.

**Điều 15. Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án thi công, công tác bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đối với biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.**

1. Biển quảng cáo gồm bảng quảng cáo, băng rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo theo quy định của pháp luật về quảng cáo. Biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt tại các vị trí sau đây:

a) Trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ, trừ hành lang an toàn đường cao tốc và hành lang an toàn đường bộ tại nút giao;

b) Trường hợp nút giao có đường kính lớn hơn 02 lần chiều rộng hành lang an toàn đường bộ, thì được xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo trong phạm vi đất giữa nút giao nhưng phải bảo đảm khoảng cách từ biển quảng cáo đến mép ngoài mặt đường theo các hướng không nhỏ hơn chiều rộng hành lang an toàn đường bộ.

2. Để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ và công trình liền kề, việc xây dựng, lắp đặt cột, móng cột biển quảng cáo trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ không bao gồm các vị trí sau:

a) Móng, cột biển quảng cáo không đặt lên các công trình kết cấu hạ tầng đường bộ và bảo đảm khoảng cách tối thiểu 1,0 mét đến móng và mép ngoài rãnh đỉnh, tường chắn, công trình an toàn giao thông đường bộ, công trình hạ tầng đã xây dựng trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ;

b) Trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ và phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có neo đậu phà, cầu phao, cầu quay;

c) Vị trí che lấp tượng, tượng đài và biển quảng cáo khác, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị đã xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

3. Kích thước biển quảng cáo không được: ảnh hưởng, che khuất báo hiệu đường bộ, che khuất tầm nhìn người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ, gây cản trở hoạt động vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; che lấp tượng, tượng đài và biển quảng cáo khác, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị đã xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ

tầng đường bộ. Mép dưới biển quảng cáo cách mặt đất tối thiểu là 2,0 mét.

4. Đối với biển quảng cáo xây dựng trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo chiều ngang tính từ mép ngoài mặt đường đến điểm gần nhất của biển quảng cáo bằng 1,1 lần chiều cao của biển (chiều cao của biển được tính từ chân cột biển quảng cáo đến điểm cao nhất của biển).

5. Việc xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều này phải được cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận bằng văn bản về vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, phương án thi công để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ và công trình liền kề khác.

6. Biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện quảng cáo ngoài trời; phải được thiết kế, thẩm định và xây dựng theo quy định của Điều này, quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quảng cáo.

6. Tổ chức, cá nhân xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo đáp ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Việc tháo dỡ biển quảng cáo, các bộ phận của biển quảng cáo không được làm ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng đường bộ và không được bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ;

c) Tuân thủ quy định khác của Luật này, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quảng cáo;

7. Việc xây dựng, lắp đặt biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3, khoản 5, điểm b và điểm c khoản 6 Điều này.

### **Điều 16. Xây dựng, lắp đặt và khai thác công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, không được xây dựng công trình khác, trừ trường hợp sau đây:

a) Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Công trình thông tin, viễn thông, đường dây tải điện, dây dẫn điện, cột viễn thông, trạm thu phát sóng di động, cột điện;

c) Công trình cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước, trừ nhà máy nước, nhà máy sản xuất năng lượng;

d) Công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, thủy điện;

đ) Băng tải phục vụ sản xuất, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình đặc biệt khác;

e) Tuyến đường khác giao cắt hoặc đi song song với đường hiện hữu.

2. Không lắp đặt đường ống dẫn khí đốt, các chất dễ cháy, nổ vào trong hầm đường bộ; không lắp đặt đường dây tải điện cao thế theo quy định của pháp luật về điện lực vào cầu đường bộ, trừ trường hợp cầu đường bộ có thiết kế hạng mục

dành riêng cho lắp đặt đường dây tải điện cao thế phù hợp nhưng phải bảo đảm an toàn điện, an toàn về phòng, chống cháy nổ và phải cắt điện theo yêu cầu của người quản lý, sử dụng đường bộ để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và cải tạo, nâng cấp cầu đường bộ.

3. Công trình hạ tầng khi xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ phải bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn trong xây dựng, an toàn giao thông đường bộ, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và không ảnh hưởng đến khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ; phải thực hiện lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Trước khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác, sử dụng, chủ đầu tư phải cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, trừ công trình đề điều và trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Đường dây tải điện, dây dẫn điện, đường dây thông tin, viễn thông xây dựng bên trên đường bộ không cần có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền khi đáp ứng các quy định sau đây:

a) Cột công trình hạ tầng nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ;

b) Chiều cao đường dây đi bên trên đường bộ đáp ứng quy định tại Điều 7 Quy định này;

c) Đường dây không ảnh hưởng đến an toàn trong vận hành, khai thác công trình đường bộ.

6. Công trình hạ tầng xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ đường chuyên dùng phải được sự đồng ý của người quản lý, sử dụng đường bộ đối với đường chuyên dùng.

7. Chủ đầu tư xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng có trách nhiệm hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật và phải đáp ứng các quy định sau:

a) Kết cấu hạ tầng đường bộ hoàn trả phải được thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo hành theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn;

b) Quy mô, chất lượng, yêu cầu kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường bộ hoàn trả không được thấp hơn kết cấu hạ tầng đường bộ trước khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng.

8. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình quy định tại khoản 1 Điều này, trừ công trình đề điều, công trình quốc phòng, an ninh phải hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng, bố trí kinh phí và tổ chức di dời công trình trong các trường hợp sau đây:

a) Khi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, người quản lý, sử dụng đường bộ có yêu cầu di dời công trình để đầu tư, xây dựng mới, nâng cấp, mở

rộng, cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình đường bộ;

b) Công trình ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ, an toàn công trình đường bộ mà không có biện pháp khắc phục;

c) Công trình xây dựng trái phép.

### **Điều 17. Xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ**

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ là công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây thông tin, viễn thông, đường dây tải điện, dây dẫn điện, chiếu sáng công cộng; đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng.

2. Việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch, quy mô của dự án, cấp kỹ thuật của đường bộ;

b) Bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng; bảo đảm quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm an toàn công trình, bảo đảm cảnh quan và môi trường;

c) Tuân thủ quy định của Quy định này, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung kết hợp với đầu tư xây dựng công trình đường bộ bao gồm các trường hợp quy định sau đây:

a) Đầu tư xây dựng đường đô thị phải kết hợp với bố trí, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để bảo đảm tính đồng bộ nhằm tiết kiệm tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư, xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường, nâng cao hiệu quả khai thác các công trình và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong giai đoạn vận hành, khai thác, sử dụng đường đô thị;

b) Đầu tư xây dựng cầu đường bộ phải thiết kế, bố trí vị trí để lắp đặt đường dây thông tin, viễn thông, đường ống cấp nước, đường dây tải điện, dây dẫn điện, trừ dây dẫn điện cao thế và dây dẫn điện không có bộ phận cách điện;

c) Đầu tư xây dựng hầm đường bộ phải thiết kế, lắp đặt cống cấp, hào hoặc tuy nèn kỹ thuật để bố trí, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, đường ống cấp nước, thoát nước và các công trình quy định tại điểm b khoản này;

d) Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ thuộc các trường hợp khác trong đó có các thành phần: xây dựng công trình đường bộ, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan và các trường hợp do người có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình khác quyết định.

e) Trường hợp cần thiết khác.

4. Việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử

dụng chung với đường bộ phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Không ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ, an toàn giao thông đường bộ; không cản trở công tác bảo trì công trình đường bộ;

b) Bảo đảm quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này;

c) Thực hiện di dời, tháo dỡ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, công trình lắp đặt trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung khi có yêu cầu của người quản lý, sử dụng công trình đường bộ để đầu tư, xây dựng, nâng cấp, mở rộng và bảo trì công trình đường bộ; thực hiện biện pháp nhằm bảo đảm an toàn cho công trình đường bộ, an toàn phòng, chống cháy, nổ; tổ chức giao thông và các trường hợp cần thiết khác;

d) Người quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ có trách nhiệm phối hợp trong quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì các công trình để bảo đảm an toàn trong khai thác, sử dụng các công trình, bảo đảm chất lượng, thời hạn khai thác, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức, cá nhân quy định tại điểm d khoản này, trừ trường hợp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, có trách nhiệm đóng góp chi phí để thực hiện vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ.

5. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình đường bộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ bao gồm cả hạng mục xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công khai thông tin dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ và tình hình đầu tư xây dựng dự án đường bộ theo quy định sau: thực hiện trên hệ thống cơ sở dữ liệu đường bộ quy định tại Điều 57 và Điều 58, Nghị định số 165/2024/NĐ-CP; thông báo cho Sở Thông tin và truyền thông để cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị chủ đầu tư dự án xây dựng công trình đường bộ cho phép xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Chi phí xây dựng, lắp đặt công trình kỹ thuật hạ tầng sử dụng chung và các chi phí phát sinh do thực hiện công việc này do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả.

5. Việc xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ đã đưa vào khai thác được thực hiện theo quy định về xây dựng, lắp đặt và khai thác công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ tại Điều 16 của Quy định này.

**Điều 18. Lắp đặt các công trình khác vào công trình hạ tầng kỹ thuật chung với đường bộ**

1. Trường hợp đã có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ thì các công trình hạ tầng khác (đường dây thông tin, viễn thông, dây tải điện, dây dẫn điện, chiếu sáng công cộng, ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng) được bố trí lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, trừ các trường hợp

sau:

a) Việc lắp đặt các công trình hạ tầng khác vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng;

b) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có quy mô, kích thước, tải trọng không phù hợp để lắp đặt công trình hạ tầng khác, không còn vị trí lắp đặt thêm công trình hạ tầng khác;

c) Không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng công trình đường bộ, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

d) Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này.

2. Tổ chức, cá nhân cần lắp đặt công trình hạ tầng thoả thuận, ký kết hợp đồng với chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bố trí dấu hiệu nhận biết công trình hạ tầng thuộc sở hữu khi lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ. Dấu hiệu nhận biết các công trình hạ tầng gồm:

a) Đối với ống cấp năng lượng, cấp, thoát nước, dấu hiệu nhận biết bao gồm các thông tin: tên đầy đủ hoặc viết tắt của chủ sở hữu, ký hiệu, màu sắc và các thông tin cần thiết khác được in, sơn trực tiếp vào vỏ ngoài đường ống hoặc ghi thông tin trên thẻ gắn vào bên ngoài đường ống;

b) Đối với các loại đường dây, dấu hiệu nhận biết được thể hiện bằng màu sắc của dây, kèm theo thẻ ghi các thông tin nhận biết chủ sở hữu và thông tin cần thiết khác và được gắn vào đường dây.

4. Để bảo đảm an toàn trong khai thác, sử dụng, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ phải lấy ý kiến người quản lý, sử dụng đường bộ trước khi lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ các công trình sau:

a) Đường ống dẫn khí đốt, nhiên liệu, hoá chất;

b) Đường dây tải điện, dây dẫn điện;

c) Đường ống cấp, thoát nước;

d) Các trường hợp ảnh hưởng đến an toàn chịu lực, an toàn khai thác sử dụng công trình đường bộ;

đ) Các trường hợp phải thực hiện quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

e) Các trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung lắp đặt vào cầu yếu, trong thời gian sửa chữa cầu.

**Điều 19. Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, trạm thu phí đường bộ, công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ**

1. Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ được quy định như sau:

a) Bến xe phải được xây dựng tại các đô thị là trung tâm hành chính cấp huyện trở lên và các khu vực cần thiết khác để phục vụ vận tải hành khách công cộng;

b) Bãi đỗ xe được xây dựng phù hợp với nhu cầu đỗ xe tại các khu vực trong đô thị, ngoại ô thành phố, thị xã, đường có lưu lượng vận tải lớn và các khu vực khác khi cần thiết để phục vụ đỗ xe, trông giữ xe. Bãi đỗ xe gồm: bãi đỗ xe tải; bãi đỗ xe khách, xe con; bãi đỗ xe dùng cho nhiều loại xe;

c) Bến xe được đầu tư, xây dựng đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. Đối với bãi đỗ xe đô thị thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

d) Trạm dừng nghỉ phải xây dựng ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành;

đ) Trạm dừng nghỉ, bến xe phải có hệ thống sạc điện cho phương tiện giao thông cơ giới sử dụng năng lượng điện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Ưu tiên bố trí hệ thống sạc điện cho phương tiện giao thông cơ giới sử dụng năng lượng điện tại bãi đỗ xe. Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ được kết hợp đầu tư, xây dựng để thực hiện hoạt động dịch vụ thương mại.

2. Điểm dừng xe được quy định như sau:

a) Điểm dừng xe trong đô thị và trong các khu dân cư, cơ quan, tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu dừng xe phục vụ giao thông đô thị và các khu vực, địa điểm này;

b) Điểm dừng xe trong phạm vi đường bộ được bố trí tại một số vị trí nhất định dành cho xe ô tô để đón, trả khách;

c) Đối với các đường ngoài đô thị được đầu tư, xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng, cải tạo thì điểm dừng xe phải được xây dựng ngoài phạm vi đường bộ.

3. Trạm thu phí đường bộ là nơi thu tiền sử dụng đường bộ đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

4. Công trình kiểm soát tải trọng xe được quy định như sau:

a) Công trình kiểm soát tải trọng xe để xác định tải trọng trục xe, khối lượng toàn bộ của xe tham gia giao thông trên đường bộ, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định vị trí xây dựng, lắp đặt công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc phạm vi quản lý;

c) Cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan chức năng có thẩm quyền, tổ chức được giao quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình đường bộ sử dụng công trình kiểm soát tải trọng xe để thực hiện việc thu thập, phân tích, đánh giá tác động của tải trọng trục xe, khối lượng toàn bộ của xe đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ; phát hiện vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Dữ liệu thu thập từ công trình kiểm soát tải trọng xe phải được kết nối, chia sẻ kịp thời với lực lượng Cảnh sát giao thông để xử lý vi phạm pháp luật.

5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, trạm thu phí đường bộ, công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

### **Điều 20. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**

Công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo các quy định sau:

1. Thực hiện các hoạt động để bảo đảm an toàn kết cấu hạ tầng đường bộ, bảo đảm an toàn trong khai thác sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ và kéo dài thời hạn khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, bao gồm:

a) Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, kiểm định chất lượng, quan trắc công trình và đánh giá an toàn đối với kết cấu hạ tầng đường bộ. Nội dung công việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, kiểm định chất lượng, quan trắc công trình và đánh giá an toàn đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Đường bộ, quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Thực hiện tuần đường, tuần kiểm đường bộ để theo dõi tình trạng kết cấu hạ tầng đường bộ; phát hiện và có biện pháp xử lý đối với các hư hỏng, xuống cấp của kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Xử lý đối với kết cấu hạ tầng đường bộ không bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng; xử lý đối với công trình kết cấu hạ tầng đường bộ hết thời hạn khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng; quyết định dừng khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp không bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ;

d) Thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đối với kết cấu hạ tầng đường bộ;

đ) Sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ phục vụ vận tải đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 21 này và các quy định sau:

a) Kiểm tra tải trọng xe tại các công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ;

b) Tổ chức thực hiện tuần đường, tuần kiểm đường bộ để phát hiện và ngăn chặn các hành vi xây dựng công trình trái phép trên đường bộ và trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; đầu nối trái phép vào đường bộ; lấn, chiếm, sử



dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ và các hành vi vi phạm đối với kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Khai thác, sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê kết cấu hạ tầng đường bộ trái quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của pháp luật xây dựng;

d) Xác định và công khai mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ, phạm vi đất đã được bồi thường và thu hồi; bảo vệ mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ và diện tích đất đã được bồi thường, thu hồi.

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới đường bộ hoặc nâng cấp cải tạo đường bộ, mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ được xác định theo quy mô tuyến đường trong quy hoạch được duyệt và thực hiện cắm mốc lộ giới trong giai đoạn thực hiện đầu tư xây dựng đường bộ;

đ) Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với quốc lộ, đường tỉnh và kết cấu hạ tầng đường bộ khác thuộc phạm vi quản lý cụ thể như sau:

a) Quản lý quốc lộ đi qua đô thị loại đặc biệt; quốc lộ khi được phân cấp; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng tuyến tránh thay thế phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ không còn trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, trừ trường hợp quốc lộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ được Thủ tướng Chính phủ giao trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, khả năng bố trí nguồn lực của địa phương; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã được điều chuyển tài sản về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn;

c) Quản lý đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ.

4. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

6. Người quản lý, sử dụng đường bộ trực tiếp tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý; tổ chức lập và cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã bản vẽ thể hiện sơ đồ và vị trí mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ đang khai thác để công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tuyến đường bộ.

7. Chủ đầu tư dự án xây dựng đường bộ tổ chức lập và cung cấp bản vẽ thể hiện sơ đồ và vị trí mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ đối với đường bộ thuộc phạm vi dự án để công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án.

### **Điều 21. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Phá hoại kết cấu hạ tầng đường bộ; khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ trái quy định của pháp luật.

2. Đấu nối trái phép vào đường chính, đường nhánh; tháo dỡ, di chuyển trái phép hoặc làm sai lệch công trình đường bộ.

3. Lấn, chiếm, sử dụng, xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. Lắp đặt, tháo dỡ, di chuyển, điều chỉnh, che khuất báo hiệu đường bộ trái quy định của pháp luật; gắn, treo, lắp vào báo hiệu đường bộ nội dung không liên quan tới ý nghĩa, mục đích của báo hiệu đường bộ hoặc làm sai lệch báo hiệu đường bộ.

### **Điều 22. Sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác**

1. Việc sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác bao gồm:

a) Phục vụ các hoạt động: sự kiện chính trị và hoạt động văn hóa, thể thao; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống cháy nổ; tìm kiếm cứu nạn; phòng, chống dịch bệnh;

b) Phục vụ thi công xây dựng công trình;

c) Tập kết, thu gom rác thải, vật liệu xây dựng;

d) Tổ chức sự kiện tang lễ;

đ) Tổ chức đám cưới;

e) Sử dụng vào việc trông, giữ phương tiện tham gia giao thông trong trường hợp cần thiết;

g) Đối với trường hợp sử dụng lòng đường vào mục đích khác quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện trên các tuyến đường huyện, đường xã, đường thôn, đường chuyên dùng, đường đô thị nhưng không bao gồm đường phố chính đô thị theo quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường đô thị;

h) Không sử dụng lòng đường, vỉa hè đường cao tốc và quốc lộ vào các mục đích quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản này.

2. Việc sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác chỉ được thực hiện khi có phương án tổ chức giao thông, không gây ùn tắc giao thông đối với đoạn đường có lòng đường, vỉa hè sử dụng vào mục đích khác hoặc có phương án phân luồng giao thông đường bộ tránh đoạn tuyến có sử dụng lòng, đường vỉa hè vào

mục đích khác và phải thực hiện các quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác nộp hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thẩm quyền cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

a) Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với quốc lộ được giao quản lý, trừ quy định tại điểm d khoản này;

b) Sở Giao thông vận tải thực hiện đối với đường được giao quản lý, trừ quy định tại điểm d khoản này;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường được giao quản lý, trừ quy định tại điểm d khoản này;

d) Sở Xây dựng đối với vỉa hè trong đô thị thuộc phạm vi được giao quản lý.

5. Trách nhiệm của cơ quan chấp thuận sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác giao thông

a) Gửi văn bản cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác cho Cảnh sát giao thông hoặc Cơ quan công an làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên tuyến đường;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý tổ chức, cá nhân sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác đối với các việc: bảo đảm giao thông, an toàn giao thông; quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ; xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Cảnh sát giao thông, Cơ quan công an làm nhiệm vụ trên tuyến và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, người quản lý, sử dụng đường bộ trong công tác bảo đảm an toàn giao thông và các công việc cần thiết khác.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

a) Thực hiện đúng nội dung giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác và phương án sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác; thực hiện các quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Chỉ được sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè đúng mục đích và thời gian sử dụng tạm thời được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

c) Chấp hành các yêu cầu của Cảnh sát giao thông, Cơ quan công an làm nhiệm vụ trên tuyến; không làm mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thực hiện các phương án tổ chức giao thông của Cảnh sát giao thông, Cơ quan công an; xử lý kịp thời các tình huống phát sinh bảo đảm an toàn cho người, phương tiện tham gia các sự kiện và người, phương tiện tham gia giao thông;

d) Thực hiện các biện pháp, công việc để bảo đảm an toàn cháy, nổ, an toàn công trình, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

đ) Trả lại nguyên trạng lòng đường, vỉa hè khi kết thúc việc sử dụng; bồi thường thiệt hại gây ra nếu hư hỏng kết cấu hạ tầng đường bộ.

7. Hết thời hạn cấp phép sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tiếp thì thực hiện thủ tục cấp phép lại theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

## **Chương IV**

### **KẾT NỐI GIAO THÔNG VÀ ĐẦU NỐI GIAO THÔNG**

#### **Điều 23. Kết nối giao thông các tuyến đường bộ**

1. Kết nối các tuyến đường bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo đảm hiệu quả hoạt động giao thông vận tải thông suốt, an toàn.

2. Kết nối giao thông đường bộ bao gồm:

a) Kết nối các tuyến đường bộ;

b) Kết nối đường bộ đến các vùng, khu vực, địa bàn khu dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các địa điểm khác;

c) Kết nối giao thông đường bộ với đầu mối giao thông của các phương thức vận tải khác.

3. Vị trí nút giao thông đường bộ (nút giao đầu nối) để kết nối các tuyến đường bộ với nhau mà các tuyến đường bộ đó được xác định trong các quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ, phương án phát triển mạng lưới giao thông trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, mạng lưới giao thông đối ngoại, mạng lưới giao thông chính cấp đô thị trong quy hoạch đô thị, mạng lưới giao thông chính trong các quy hoạch khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì không phải thực hiện quy định tại Điều 25 của Quy định này. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật có quy định về khoảng cách các nút giao đầu nối thì phải bảo đảm quy định này.

4. Việc kết nối đường nhánh vào đường chính và giữa các tuyến đường với nhau, được thực hiện tại vị trí đầu nối và phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Vị trí đầu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường;

b) Trường hợp đầu nối đường khác với đường cao tốc, ngoài việc thực hiện quy định tại điểm a và điểm c khoản này, khoảng cách giữa các vị trí đầu nối phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế đường cao tốc;

5. Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ đang khai thác (sau đây gọi chung là dự án xây dựng đường bộ) phải xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh theo quy định sau:

a) Đường bên được xây dựng bên cạnh đường chính khi đầu tư xây dựng đường cao tốc, đường cấp I, cấp II đi qua khu đô thị, khu vực tập trung đông dân cư và các trường hợp cần thiết khác và quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) Khi dự án xây dựng đường bộ cắt qua các cơ sở hiện hữu (các khu đô thị, công nghiệp, kinh tế, dân cư, thương mại - dịch vụ) mà không cho phép các cơ sở này đầu nối trực tiếp vào tuyến đường thuộc dự án xây dựng đường bộ thì dự án xây dựng đường bộ phải xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh để gom các phương tiện tham gia giao thông từ các cơ sở này đi trên đường gom, đường bên trước khi kết nối vào nút giao với dự án xây dựng đường bộ, hoặc đi trên đường gom, đường bên sau đó đi vào đường nhánh trước khi kết nối vào dự án xây dựng đường bộ;

c) Các trường hợp khác cần xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh của dự án xây dựng đường bộ để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

6. Kết nối các tuyến đường bộ hiện hữu đang khai thác với dự án xây dựng đường bộ được thực hiện như sau:

a) Đường hiện hữu đang khai thác được kết nối giao thông với dự án xây dựng đường bộ thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh theo quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Trừ các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, đường hiện hữu đang khai thác được đầu nối vào dự án đường bộ khi đường hiện hữu đáp ứng một hoặc các quy định sau: đường hiện hữu cùng hoặc thuộc cấp quản lý cao hơn; đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này; bảo đảm khoảng cách các vị trí đầu nối quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định tại khoản 1 Điều 25 của quy định này;

c) Trường hợp đầu nối trực tiếp đường hiện hữu đang khai thác vào dự án xây dựng đường bộ nhưng không bảo đảm trật tự, an toàn giao thông thì việc kết nối với dự án xây dựng đường bộ phải thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh đã xây dựng;

d) Việc thực hiện xây dựng, cải tạo nút giao đầu nối quy định tại điểm b khoản này, nút giao đường nhánh đầu nối vào dự án xây dựng đường bộ quy định tại điểm a và điểm c khoản này được thực hiện trong dự án xây dựng đường bộ.

6. Xây dựng đường gom, đường bên của đường bộ là đường chính đang khai thác:

a) Chủ sở hữu, người quản lý đường bộ chuyên dùng xây dựng đường gom, đường bên thuộc phạm vi quản lý đối với trường hợp cần thực hiện để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường chuyên dùng là đường chính;

b) Chủ đầu tư các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu đô thị và chủ đầu tư các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm xây dựng đường gom đi qua cơ sở của mình để kết nối với các hệ thống đường bộ trong khu vực, trừ trường hợp đã có đường gom, đường bên đáp ứng lưu lượng xe thiết kế của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu đô thị và các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc không cần phải xây dựng đường gom;

c) Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức xây dựng đường gom, đường bên đối với các trường hợp không quy định tại điểm a và điểm b khoản này để kết nối giao thông khu vực, địa bàn với đường chính đi qua khu vực để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

7. Các khu vực dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh, các địa điểm khác kết nối giao thông với đường cao tốc, quốc lộ và các đường chính đi qua khu vực, địa bàn thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh.

8. Trường hợp nút giao đầu nối các khu vực dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh, các địa điểm khác đầu nối trực tiếp vào quốc lộ trừ đường cao tốc và đường chính đi qua khu vực, địa bàn mà tại các vị trí này, Ủy ban nhân dân các cấp chưa xây dựng đường bên, đường gom để gom các phương tiện tham gia giao thông thì được phép tồn tại nút giao hiện hữu cho đến khi có đường gom, đường bên với điều kiện nút giao đó phải bảo đảm an toàn giao thông.

#### **Điều 24. Vị trí nút giao đầu nối đường khác vào đường cao tốc**

1. Vị trí nút giao đầu nối đường khác vào đường cao tốc ngoài đô thị được xác định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng phù hợp quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

2. Trường hợp bổ sung vị trí nút giao đầu nối đường khác với đường cao tốc ngoài quy định tại khoản 1 Điều này trong giai đoạn đầu tư xây dựng đường cao tốc, giai đoạn khai thác đường cao tốc thì phải bảo đảm:

a) Đường khác đề nghị đầu nối với đường cao tốc có trong quy hoạch được duyệt;

b) Khoảng cách điểm đầu nối, quy mô nút giao đầu nối phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc.

3. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận bổ sung vị trí đầu nối với đường cao tốc thuộc phạm vi quản lý đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Vị trí đầu nối đường khác trong đô thị với đường cao tốc đô thị được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Tuyến đường kết nối vào đường cao tốc đô thị theo quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện trong dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc đô thị được duyệt.

5. Đối với đường chính quy hoạch thành đường cao tốc, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng thành đường cao tốc, các tuyến đường bộ trước đây đầu nối vào đường chính được kết nối giao thông với đường cao tốc thông qua đường gom, đường bên của đường cao tốc hoặc đường khác để kết nối vào nút giao của đường cao tốc.

**Điều 25. Đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch**

1. Trừ trường hợp đầu nối quy định tại khoản 3 Điều 23 và các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 24 của Quy định này, vị trí nút giao đầu nối mới vào quốc lộ, đường tỉnh phải bảo đảm khoảng cách theo quy định sau:

- a) Đối với đường cấp I, cấp II: không nhỏ hơn 2000 mét;
- b) Đối với đường cấp III: không nhỏ hơn 1500 mét;
- c) Không nhỏ hơn 1000 mét đối với đường cấp IV, cấp V và cấp VI;

d) Đối với các trường hợp quốc lộ, đường tỉnh từ 4 làn ô tô trở lên và có dải phân cách giữa chia đường thành hai chiều riêng biệt, khoảng cách các nút giao dạng ngã ba (chỉ cho phép phương tiện từ đường chính rẽ phải vào đường nhánh, phương tiện từ đường nhánh rẽ phải vào đường chính) đối với đường cấp I, cấp II và cấp III không nhỏ hơn 1000 mét; không quá 500 mét đối với các trường hợp khác;

đ) Trường hợp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đi qua các địa bàn, khu vực có địa hình núi cao, vực sâu, sông, suối, kênh, rạch, đê điều, hồ, đập, công trình thủy lợi, thủy điện, đường sắt, khu vực di tích lịch sử, văn hóa, công trình quan trọng nhưng khó khăn trong việc xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh thì được giảm khoảng cách so với quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này. Đối với trường hợp này, người có thẩm quyền phê duyệt dự án có nút giao đầu nối, chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối phải bố trí đầy đủ các công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại khu vực nút giao đầu nối và bảo đảm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23 của Quy định này.

2. Các khu vực, cơ sở nằm giữa hai điểm đầu nối quy định tại khoản 1 Điều này kết nối vào quốc lộ, đường tỉnh thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh và thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Quy định này.

3. Việc xây dựng nút giao cùng mức trong phạm vi đầu cầu đường bộ, khu vực cửa hầm đường bộ, cầu phao đường bộ, bến phà đường bộ, nút giao đường sắt với đường bộ, đoạn đường cong nằm có bán kính đường cong nhỏ hơn bán kính đường cong tối thiểu chỉ được thực hiện để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về quốc phòng, an ninh nhưng phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Các quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23 của Quy định này;
- b) Bố trí đầy đủ các công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại khu vực nút giao đầu nối;
- c) Phải tổ chức thẩm tra, thẩm định về an toàn giao thông đường bộ.

4. Trường hợp xây dựng nút giao đầu nối mới để thay thế nút giao đầu nối đã có thì phải bảo đảm khoảng cách nút giao đầu nối mới với các nút giao khác. Sau khi hoàn thành đưa nút giao mới vào sử dụng, phải đóng nút giao đã được thay thế.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định vị trí đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác trên địa bàn (trừ trường hợp quốc lộ là đường cao tốc) đối với vị trí nút giao đầu nối không quy định tại khoản 3 Điều 23 nhưng phải bảo đảm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23 của Quy định này và thực hiện các quy định sau:

a) Lấy ý kiến về vị trí, quy mô, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông của cơ quan quản lý đường bộ được giao quản lý quốc lộ tại khu vực; Cơ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ chỉ huy, điều hành giao thông trên tuyến đường; lấy ý kiến cơ quan ký hợp đồng và người quản lý, sử dụng đường bộ đối với trường hợp quốc lộ đang khai thác trong thời hạn hợp đồng đối tác công tư, chuyển nhượng hoặc cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đánh giá ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông khi bỏ sung nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác đối với các nội dung sau: nhu cầu vận tải trên các đường nhánh cần đầu nối, lưu lượng xe hiện tại trên đường chính; khảo sát, điều tra và đưa ra dự báo lưu lượng xe tại các đường nhánh đầu nối vào đường chính, lưu lượng xe trên đường chính sau khi có nút giao; đánh giá quy mô, tình trạng kỹ thuật; điều kiện địa hình, địa chất, mặt bằng, hệ thống thoát nước, các công trình hạ tầng khác khu vực dự kiến thiết kế nút giao và các đường nhánh, làn chuyển tốc thuộc phạm vi nút giao, các công trình hoàn trả (vía hè, điện chiếu sáng, tường bảo vệ, báo hiệu đường bộ); các đường nhánh, đường gom, đường bên và hệ thống đường bộ khác đã có trong khu vực; các nút giao đầu nối vào đường chính đã có phục vụ cho việc tận dụng làm điểm đầu nối chung hoặc xóa bỏ điểm đầu nối đã có và xây dựng đường gom, đường bên kết nối từ điểm đầu nối đã có về điểm đầu nối mới;

c) Xác định vị trí từng nút giao; loại nút giao đầu nối; quy mô đường nhánh đầu nối vào đường chính, việc xây dựng làn chuyển tốc tại từng nhánh nút giao đầu nối; phương án tổ chức giao thông phù hợp với nút giao đầu nối; các công trình phải xây dựng trong phạm vi nút giao đầu nối, công tác di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, bồi thường giải phóng mặt bằng và hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ của tuyến chính, công trình hạ tầng khác bị ảnh hưởng, nguồn lực thực hiện.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, tổ chức đầu nối đường địa phương thuộc phạm vi quản lý. Tổ chức đóng nút giao hiện hữu đầu nối vào quốc lộ đối với các trường hợp: đã có nút giao thay thế; nút giao hiện hữu không bảo đảm an toàn giao thông; không bảo đảm khoảng cách.

### **Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện xây dựng nút giao đầu nối, đóng điểm đầu nối**

1. Việc thực hiện xây dựng nút giao đầu nối trong dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo quốc lộ và đường cao tốc với đường khác được thực hiện



theo dự án đầu tư xây dựng đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải thực hiện các quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 6 Điều 23 của Quy định này, quy định của pháp luật về đường bộ và pháp luật về xây dựng.

2. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đầu nối mới đường nhánh thuộc phạm vi quản lý vào đường chính đang khai thác theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công và pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23, khoản 2 và khoản 4 Điều 24 của Quy định này và trường hợp dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư);

b) Kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư nút giao đầu nối bảo đảm các quy định tại Điều 23 của Quy định này;

c) Tổ chức kết nối giao thông trên địa bàn, khu vực hai bên đường chính vào đường gom, đường bên, đường nhánh trước khi kết nối vào đường chính;

d) Đóng các điểm đầu nối đối với các trường hợp đã xây dựng điểm đầu nối mới thay thế; điểm đầu nối hay xảy ra tai nạn giao thông hoặc điểm đầu nối tiềm ẩn tai nạn giao thông nhưng chưa khắc phục; đóng điểm đầu nối trực tiếp trụ sở cơ quan, tổ chức, nhà ở, khu dân cư, khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thương mại vào đường chính sau khi đã có đường gom, đường bên, đường nhánh để kết nối giao thông các khu vực này vào đường chính thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh;

đ) Xử lý vi phạm đầu nối theo quy định của Luật Đường bộ và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Chủ đầu tư xây dựng nút giao đầu nối ngoài việc thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật đầu tư, có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật Đường bộ, quy định tại Điều 23 của Quy định này và các quy định sau:

a) Chấp hành giấy phép thi công nút giao đầu nối với đường bộ đang khai thác theo quy định của pháp luật về đường bộ;

b) Bảo đảm an toàn giao thông, thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công xây dựng nút giao đầu nối; có trách nhiệm bồi hoàn kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối;

c) Bàn giao đoạn đường chính thuộc nút giao đầu nối và 01 bộ bản vẽ hoàn công nút giao đầu nối cho người quản lý, sử dụng đường chính để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì nút giao đầu nối; bàn giao nút giao đầu nối cho người quản lý, sử dụng đường nhánh đầu nối vào đường chính và 01 bộ bản vẽ hoàn công công trình nút giao đầu nối để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì nút giao đầu nối.

Trường hợp đường nhánh đầu nối vào đường chính nhưng không xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng đường chính thì chỉ bàn giao đường nhánh và bản vẽ hoàn công cho người quản lý, sử dụng đường nhánh;

d) Đóng các vị trí đầu nối khi hoàn thành dự án xây dựng nút giao đầu nối mới thay thế vị trí đầu nối có trước khi thực hiện dự án.

4. Người quản lý, sử dụng đường nhánh tại nút giao đầu nối có trách nhiệm:

a) Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường nhánh tại nút giao đầu nối theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của Quy định này, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định của pháp luật liên quan khác;

b) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nút giao đầu nối thuộc phạm vi quản lý;

c) Đóng các điểm đầu nối hiện hữu khi đã có điểm đầu nối mới thay thế;

d) Phối hợp với người quản lý, sử dụng đường chính tại nút giao đầu nối trong việc kết nối giao thông đường bộ, điều chỉnh tổ chức giao thông, điều chỉnh, bổ sung báo hiệu đường bộ, công trình an toàn giao thông để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong thời gian khai thác nút giao đầu nối.

5. Người quản lý, sử dụng đường chính tại nút giao đầu nối có trách nhiệm:

a) Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường chính tại nút giao đầu nối theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của Quy định này, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định của pháp luật liên quan khác;

b) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên đường chính tại khu vực nút giao đầu nối;

c) Phối hợp với người quản lý, sử dụng đường nhánh tại nút giao đầu nối trong việc kết nối giao thông đường bộ, điều chỉnh tổ chức giao thông, điều chỉnh, bổ sung báo hiệu đường bộ, công trình an toàn giao thông để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

d) Yêu cầu người quản lý, sử dụng đường nhánh xử lý các tồn tại, bất cập mất an toàn giao thông trong thời gian khai thác sử dụng nút giao đầu nối;

đ) Kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng đường bên, đường gom, đường nhánh để kết nối giao thông khu vực hai bên vào đường chính thông qua nút giao đầu nối được xây dựng theo quy định tại Điều 23 của Quy định này và kiến nghị đóng các điểm đầu nối theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

### **Điều 31. Đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ, đường địa phương đang khai thác**

1. Đầu nối tạm thời vào quốc lộ, đường địa phương đang khai thác được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Làm đường công vụ phục vụ vận chuyển, khai thác vật liệu và vận chuyển thiết bị thi công xây dựng công trình; thời hạn đầu nối tạm không quá thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng;

b) Phục vụ các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình đề điều.

2. Hết thời hạn đấu nối tạm, chủ đầu tư dự án, tổ chức, cá nhân đề nghị đấu nối tạm phải thực hiện và tự chịu trách nhiệm chi phí thực hiện các công việc sau:

a) Xóa bỏ, đóng điểm đấu nối tạm thời;

b) Hoàn trả nguyên trạng hành lang an toàn đường bộ; sửa chữa, bổ sung kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do việc thực hiện đấu nối tạm thời.

3. Thẩm quyền chấp thuận vị trí, thiết kế đấu nối tạm và cấp giấy phép thi công vào quốc lộ, đường địa phương

b) Sở Giao thông vận tải đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 20 Quy định này và quốc lộ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ; đường tỉnh và đường khác được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

## **Chương V**

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 32. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm**

1. Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý quy định tại khoản 4 Điều 20 Quy định này.

3. Hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND huyện quản lý.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

5. Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

6. Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

7. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, lực lượng Công an và chính quyền địa phương thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

8. Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

9. Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

10. Hướng dẫn về tốc độ, tải trọng cho phép chạy trên đường, cấp giấy phép các loại xe quá khổ, quá tải, bánh xích theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

### **Điều 23. Công an tỉnh có trách nhiệm**

1. Chỉ đạo lực lượng công an tổ chức tuần tra kiểm soát trên đường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

4. Chỉ đạo Công an cấp huyện hỗ trợ UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện cưỡng chế giải tỏa lấn, chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ.

### **Điều 24. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị và Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý hệ thống đường đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, sử dụng đất hành lang giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu, công trình điện dọc theo đường bộ phù hợp với

quy hoạch và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra việc sử dụng ngân sách Nhà nước cho việc quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh và nguồn hỗ trợ đối với đường giao thông nông thôn đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

8. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng trong việc cấp phép lắp đặt biển quảng cáo theo đúng quy hoạch và quy định về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

9. Các chủ đầu tư khi lập quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình liên quan đến hành lang an toàn đường bộ thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Cơ quan quản lý đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn bản trong vòng 07 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

**Điều 25. UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm**

1. UBND cấp huyện:

a) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

d) Phối hợp với lực lượng Công an, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đường bộ, lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả Quốc lộ, các tuyến đường tỉnh trên địa bàn quản lý).

đ) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình giao thông được phân cấp quản lý, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

e) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường xã theo đúng quy định hiện hành.

## 2. UBND cấp xã:

a) Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc xã quản lý.

b) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ; bảo vệ các mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng đã được bàn giao cho UBND cấp xã quản lý.

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm; phát hiện, ngăn chặn và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả Quốc lộ, các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị trên địa bàn quản lý).

đ) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị tại chỗ để bảo vệ công trình giao thông theo phân cấp quản lý, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

**Điều 26.** Việc sử dụng công trình trong phạm vi bảo vệ đường bộ phải theo đúng văn bản thỏa thuận và giấy phép thi công của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

Trước khi thi công và sau khi thi công xong, chủ đầu tư phải báo cáo cho đơn vị trực tiếp quản lý công trình giao thông biết để kiểm tra.

**Điều 27.** Các đường chuyên dùng, các đường BOT, BT, BTO do tổ chức, cá nhân được phép đầu tư xây dựng, khai thác phải tự chịu trách nhiệm bảo vệ trong suốt thời gian xây dựng và khai thác theo quy định của pháp luật.

**Điều 28.** Tất cả các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan hoặc ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ đều phải có ý kiến của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền ngay từ giai đoạn lập, thẩm định và trình duyệt dự án.

**Điều 29. Trách nhiệm bảo vệ công trình giao thông đường bộ của chủ đầu tư, nhà thầu thi công các công trình giao thông đường bộ**

1. Các chủ đầu tư, các nhà thầu thi công trên các đoạn đường theo dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa phải có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ trong suốt thời gian thi công kể từ khi nhận đường cho đến khi bàn giao lại đường cho đơn vị quản lý khai thác.

2. Các chủ đầu tư khi bàn giao công trình đã hoàn thành cho đơn vị quản lý phải bàn giao đầy đủ hồ sơ giải phóng mặt bằng, mốc giải phóng mặt bằng và mốc chỉ giới hành lang đường bộ (mốc lộ giới) nếu có.

**Điều 30.** Các công trình bắt buộc phải xây dựng nằm trong HLBVĐB hoặc nằm ngoài HLBVĐB nhưng ảnh hưởng đến an toàn công trình giao thông hoặc an toàn cho hoạt động giao thông vận tải đường bộ, chủ dự án phải xin ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền ngay từ khi lập dự án và chỉ được phép thi công khi được cấp phép thi công.

**Điều 31. Một số công trình được phép sử dụng HLBVĐB hoặc ngoài hành lang, nhưng ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ phải tuân thủ theo các quy định sau:**

1. Các cột điện, điện tín, điện thoại ở ngoài phạm vi nội thành, nội thị hoặc khu đông dân cư phải cách mép nền một khoảng cách ít nhất bằng 1,3 chiều cao của cột (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) khi chiều cao cột lớn hơn 4,0 mét; bằng 5,0 mét khi chiều cao của cột nhỏ hơn hoặc bằng 4,0 mét. Đối với các cột điện, điện tín, điện thoại nằm trong khu quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo nội dung quyết định đó.

2. Các cơ sở sản xuất có vùng ảnh hưởng khói bụi, ô nhiễm không khí làm giảm tầm nhìn phải cách ranh giới ngoài của hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách tương ứng vùng ảnh hưởng do cơ sở sản xuất gây ra.

3. Lò vôi, lò gạch hoặc các cơ sở sản xuất tương tự phải nằm ngoài và cách hành lang an toàn đường bộ 25 mét.

4. Nơi họp chợ, điểm kinh doanh dịch vụ bố trí bãi dừng đỗ xe, nơi tập kết hàng hóa phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và tổ chức điểm đầu nối ra, vào đường bộ theo quy định.

5. Các kho chứa vật liệu nổ, vật liệu có nguy cơ cháy cao, hóa chất độc hại, các mỏ khai thác vật liệu có sử dụng mìn phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách bảo đảm an toàn cho hoạt động giao thông vận tải do cháy, nổ và ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

6. Các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác, trừ các công trình đã quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và cách hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách theo không gian kiến trúc quy định về khoảng cách xây dựng công trình.

7. Các công trình khác ở ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ thì chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng phải khắc phục, sửa chữa kịp thời.

**Điều 32. Phối hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

1. Việc xây dựng công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ phải được sự thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Việc xây dựng công trình đường bộ có liên quan đến công trình thủy lợi phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý công trình thủy lợi.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan phòng, chống lụt, bão, chống hạn, chống úng có thể sử dụng công trình giao thông đường bộ để thực hiện và có trách nhiệm khôi phục nguyên trạng thái ban đầu của công trình giao thông đường bộ.

3. Trường hợp cơ quan quản lý công trình đường bộ và cơ quan quản lý công trình thủy lợi đều có kế hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình, thì việc xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công trình phải kết hợp với nhau.

4. Việc xây dựng công trình mới làm ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình có trước hoặc làm trở ngại đến tác dụng của công trình đó thì cơ quan chủ quản công trình xây dựng mới phải có biện pháp xử lý bằng kỹ thuật theo sự thoả thuận của cơ quan chủ quản công trình cũ bị ảnh hưởng và chịu phí tổn để sửa chữa, khôi phục. Nếu đồng thời muốn cải tạo, mở rộng nâng cấp công trình có trước, thì cơ quan chủ quản công trình cũ phải đầu tư phần tăng thêm.

5. Việc quản lý, sử dụng những đoạn đê vừa là đường giao thông, vừa là đê phải tuân theo pháp luật về bảo vệ đê điều và pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên nguyên tắc ưu tiên hàng đầu cho việc đảm bảo an toàn đê điều.

## **Chương VI**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 33. Khen thưởng**

1. Cá nhân hay tổ chức nào có thành tích trong việc quản lý bảo vệ đường bộ, ngăn chặn và phát hiện, tố giác các vụ vi phạm hành lang bảo vệ đường bộ, xâm hại, phá hoại công trình giao thông sẽ được khen thưởng của cấp có thẩm quyền.

2. Người thi hành công vụ có thành tích được khen thưởng theo chế độ chung đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước.

**Điều 34.** Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định bảo vệ công trình giao thông đường bộ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt hành chính theo quy định hiện hành. Trường hợp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 35.** UBND các cấp, lực lượng Công an và Thanh tra giao thông đường bộ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật hiện hành.



## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 36. Xử lý các tồn tại**

1. Đối với các tuyến đường bộ đã được cắm mốc HLBVĐB theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014; Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 13/6/2012; Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 20/6/2012; Quyết định số 110/2004/QĐ-UB ngày 22/11/2004; Quyết định số 25/1998/QĐ-UB ngày 10/3/1998 của UBND tỉnh Bình Phước và Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 11/02/1991 của UBND tỉnh Sông Bé mà chỉ số HLBVĐB rộng hơn bề rộng được quy định theo Quyết định này thì vẫn giữ nguyên bề rộng như đã cắm mốc. Trường hợp bề rộng hành lang bảo vệ theo các Quyết định trên nhỏ hơn bề rộng được quy định theo Quyết định này thì phải cắm mốc HLBVĐB theo quy định tại Quyết định này.

2. Tất cả các công trình đã được xây dựng trong phạm vi HLBVĐB theo từng thời điểm mà không được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng là vi phạm và cần phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ đường bộ. Trường hợp khó khăn chưa thể thực hiện di dời, thì chủ công trình phải có cam kết với ủy ban nhân dân địa phương và cơ quan quản lý đường bộ nghiêm chỉnh thực hiện Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, không coi nói hoặc mở rộng thêm và di chuyển ngay khi Nhà nước có yêu cầu.

3. Đối với các công trình đã xây dựng từ năm 1982 trở về trước nằm trong HLBVĐB theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và các công trình được xây dựng trước thời điểm có hiệu lực thi hành Quyết định này, nằm ngoài phạm vi HLBVĐB theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 nhưng nằm trong phạm vi HLBVĐB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010; Nghị định 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 và Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ và theo quy định của Quyết định này, nếu xét thấy không ảnh hưởng tới ổn định bền vững của cầu, đường và an toàn giao thông thì tạm thời được để lại nhưng không được phát triển thêm; người sử dụng đất phải ký cam kết với UBND cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường về việc không coi nói, mở rộng. Trường hợp công trình bị xuống cấp, người sử dụng có nhu cầu sửa chữa để tiếp tục sử dụng, thì phải xin cấp giấy phép tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang bảo vệ đường bộ được công bố.

5. Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các địa phương căn cứ HLBVĐB theo quy định tại Quyết

định này để thực hiện nhưng phải thể hiện được phần chênh lệch diện tích giữa giấy chứng nhận cũ và mới (do phải trừ HLBVĐB theo quy định) khi nhà nước có nhu cầu sử dụng sẽ hỗ trợ, bồi thường theo quy định.

6. Đối với trường hợp lấn, chiếm sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, kiên quyết giải tỏa, không bồi thường cho các tổ chức, cá nhân vi phạm.

7. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải tỏa khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, pháp luật về đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 37. Điều khoản thi hành**

1. Những nội dung không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**